

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà B: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1952, địa chỉ: số nH 21, Khu 4 TĐ, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

2. Bà Chu Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu 5, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

3. Bà Bùi Thị TA, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu 5, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

4. Bà Vũ Thị D, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 2, xã Liên Hòa, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1941; địa chỉ: Khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

6. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu 2, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

7. Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu 7, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

8. Bà Nguyễn Thị TU, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu 4, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

9. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1954; địa chỉ: Khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

10. Bà Dương Thị Nh, sinh năm 1941; địa chỉ: Thôn Cẩm Liên, xã Cẩm La, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2006 Phạm Thị V đứng ra tổ chức chơi họ, nhiều người trên địa bàn thị xã Q tham gia đóng tiền chơi họ có lãi, V làm chủ họ. Hình thức chơi có hai cách là “Họ thường” và “Họ chồng theo”.

Họ thường: Có từ 21 người đến 35 người, V thỏa thuận với các tHnh V về số tiền đóng họ Hng tháng với mức đóng từ 200.000 đồng đến 5.000.000 đồng/01 tháng/01 người; thời gian mua họ (bốc họ), thời gian chồng tiền họ (chủ họ thanh toán tiền cho người bốc được họ). Số tháng tham gia đóng họ tương ứng với số người chơi, một tHnh V có thể đóng nhiều suất họ trong 01 bát họ. V là chủ họ chịu trách nhiệm Hng tháng đi thu tiền họ của các tHnh V trong bát họ, quản lý tiền Hng tháng và giao tiền cho người được lĩnh họ (mua được họ) trong mỗi kỳ mở bát họ cho đến khi kết thúc bát họ. THnh V nào bốc được họ nH tiền họ bằng tổng số tiền gốc của tất cả các tHnh V đóng trong 01 tháng, sẽ phải trả lãi cho các tHnh V còn lại chưa bốc họ, tHnh V nào mua họ với mức tiền lãi cao thì được bốc họ, tất cả các tHnh V đều được bốc họ 01 lần trong quá trình chơi 01 suất họ, nếu đóng nhiều suất họ trong 01 bát họ thì số lần bốc

tương ứng với số suất đóng trong bát họ. Người lĩnh cuối kỳ chơi họ 1 bát họ được nH tiền gốc của các tHnh V đóng trong họ và không phải trả tiền lãi cho ai. Nếu chủ họ làm mất tiền họ, hoặc tự ý dừng họ khi chưa kết thúc họ thì chủ họ phải đền tiền theo thỏa thuận cho các tHnh V trong họ chưa được bốc họ.

Cách thức chơi họ chồng theo: Suất phát từ họ thường (họ có lãi) như trên, trong kỳ bốc họ của 01 bát họ chỉ có 01 tHnh V được bốc họ (người mua họ trả lãi cao nhất), nếu có thêm 01 tHnh V hoặc nhiều tHnh V trong họ cần tiền gấp, do không thể cùng bốc họ trong tháng đó, nên nhờ chủ họ tìm người đóng họ chồng theo để tHnh V này được nH tiền họ trong tháng đó. Người đóng họ chồng theo bỏ ra số tiền bằng tổng các tHnh V trong họ đóng trong tháng đó, chủ họ có trách nhiệm thu tiền của người đóng họ chồng theo thanh toán cho người mua họ chồng theo. Người được lĩnh tiền họ chồng theo kể từ các tháng tiếp theo cho đến khi kết thúc họ phải đóng đầy đủ tiền gốc theo thỏa thuận và không được lĩnh tiền lãi của các tHnh V khác trong họ. Người đóng họ chồng theo kể từ tháng tiếp theo cho đến khi kết thúc họ sẽ được lĩnh tiền lãi, không phải đóng tiền gốc hoặc bất kỳ khoản tiền nào khác. Đến kết thúc họ, người đóng họ chồng theo được nH số tiền bằng tổng số tiền gốc mà tất cả các tHnh V trong họ đóng trong kỳ. V là chủ họ có trách nhiệm thu tiền của các tHnh V đóng họ và giao đầy đủ tiền cho tHnh V được lĩnh họ, có trách nhiệm thu tiền lãi, thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận cho các tHnh V đóng họ chồng theo. Trong quá trình chơi họ, xảy ra rủi ro, chủ họ không thu được tiền họ hoặc vỡ họ thì tHnh V đóng họ chồng theo không bị ảnh hưởng, chủ họ phải có trách nhiệm thanh toán tiền cho người đóng họ chồng theo đúng như thỏa thuận.

Ban đầu V tổ chức chơi họ trả gốc và lãi đầy đủ, các tHnh V tin tưởng, nhiều người tham gia chơi họ. Đến năm 2014, do V không quản lý được hết các bát họ và người chơi họ, dẫn đến bị thâm hụt không có tiền thanh toán cho người chơi của nhiều bát họ trong cùng một thời gian. V đã lợi dụng cách thức chơi họ, nói dối các tHnh V là có người mua họ chồng theo và tìm người đóng tiền chồng theo cho V để V chiếm đoạt số tiền đó sử dụng vào việc cá nhân và dùng để thanh toán tiền chơi họ cho một số người. V dùng số tiền đã chiếm đoạt, trả lãi theo tháng cho người đóng họ chồng theo để cho mọi người vẫn tin tưởng là đang chơi họ chồng theo được lĩnh lãi theo thỏa thuận mà không có ghi ngờ gì. Để các bị hại tin tưởng, sau khi nH tiền V đã viết “Hóa đơn chồng theo họ” đưa cho người nộp tiền họ chồng theo, cuối hóa đơn có mục người mua họ chồng theo ký, ghi rõ họ tên thì V lại là người tự viết tên người nH họ chồng theo vào, không có chữ ký chữ viết của người nH tiền, V cũng giữ lại 01 tờ hóa đơn có nội dung như đã đưa cho người nộp tiền. Thực tế những người nH tiền họ chồng theo là không có thật. Đến năm 2017, V tuyên bố vỡ họ không trả tiền cho người đóng họ chồng theo.

Với hình thức như trên Phạm Thị V đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của 10 người, với tổng số tiền là 2.998.533.000 đồng. V đã trả cho các bị hại (với hình

thức trả lãi theo tháng) là 238.770.000 đồng, còn lại 2.759.763.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Bà Đoàn Thị B: Trong thời gian năm 2015, 2016 đóng 11 suất hộ chồng theo với tổng số tiền Phạm Thị V chiếm đoạt là 762.750.000 đồng, trong đó tiền mặt là 342.700.000 đồng còn lại là tiền được lĩnh từ hộ thường chuyển sang. V đã trả cho bà B tổng cộng là 99.100.000 đồng (với hình thức là trả lãi Hng tháng), số tiền còn lại chưa trả là 663.650.000 đồng.

2. Bà Chu Thị T: Trong thời gian năm 2015, 2016 đóng 11 suất hộ chồng theo với tổng số tiền Phạm Thị V chiếm đoạt là 746.020.000 đồng, trong đó tiền mặt là 189.000.000 đồng, còn lại là tiền được lĩnh từ hộ thường chuyển sang.

3. Bà Bùi Thị TA: Trong thời gian năm 2015 đóng 05 suất hộ chồng theo với tổng số tiền Phạm Thị V chiếm đoạt là 306.885.000 đồng.

4. Bà Vũ Thị D: Trong thời gian năm 2014, 2016 đóng 03 suất hộ chồng theo với tổng số tiền Phạm Thị V chiếm đoạt là 127.500.000 đồng.

5. Bà Nguyễn Thị C: Ngày 15/4/2016, chơi 02 suất hộ chồng theo, V chiếm đoạt của bà C tổng số 129.000.000 đồng, trong đó tiền mặt là 10.560.000 đồng, còn lại 118.440.000 đồng là tiền chuyển sang từ hộ trước đó chuyển sang. V đã trả cho bà C 16.430.000 đồng (bằng hình thức trả lãi Hng tháng), số tiền còn lại chưa trả là 112.570.000 đồng.

6. Bà Ngô Thị H: Trong thời gian năm 2015, 2016 đóng 03 suất hộ chồng theo với tổng số tiền Phạm Thị V chiếm đoạt là 189.460.000 đồng. V đã trả cho bà H tổng cộng là 41.600.000 đồng (với hình thức là trả lãi Hng tháng), số tiền còn lại chưa trả là 147.860.000 đồng.

7. Bà Vũ Thị Ng: Trong thời gian năm 2016 đóng 02 suất hộ chồng theo với tổng số tiền Phạm Thị V chiếm đoạt là 134.662.000 đồng.

8. Bà Nguyễn Thị TU: Trong thời gian năm 2016 đóng 02 suất hộ chồng theo với tổng số tiền Phạm Thị V chiếm đoạt là 126.000.000 đồng.

9. Bà Ngô Thị N: Trong thời gian năm 2016 đóng 01 suất hộ chồng theo với số tiền Phạm Thị V chiếm đoạt là 64.500.000 đồng, V đã trả cho bà N 17.050.000 đồng (với hình thức là trả lãi Hng tháng), số tiền còn lại chưa trả là 47.450.000 đồng.

10. Bà Dương Thị Nh: Trong thời gian năm 2014, 2015, 2016 đóng 8 suất hộ chồng theo với số tiền Phạm Thị V chiếm đoạt là 411.756.000 đồng. V đã trả cho bà Nh 64.590.000 đồng (với hình thức là trả lãi Hng tháng), số tiền còn lại chưa trả là 347.166.000 đồng.

Các bị hại nộp 34 tờ “Hóa đơn giao tiền hộ”, “Hóa đơn chồng theo hộ” do Phạm Thị V đưa cho các bị hại có ghi tên người mua hộ.

Tại Bản kết luận giám định số 101 ngày 20/7/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Các chữ viết, chữ ký mang tên “Phạm Thị V” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A34 so với các chữ viết, chữ ký “Phạm Thị V” trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M01 đến M06” do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, ban đầu Phạm Thị V còn quanh co chối tội, V khai một số người mua họ chồng theo có tên tuổi ghi trong hóa đơn là người có địa chỉ tại các xã, phường thuộc thị xã Q như: Phạm Thị Thủy có chồng là Lê Văn La, Phạm Thị Lý có chồng là Vũ Văn Hạ, Dương Văn Văn có vợ là Phạm Thị H, Đinh Thị Lý có chồng là Phạm Văn Hạ, Lê Văn Vũ có vợ là Dương Thị Hòa, Nguyễn Văn Thủy có vợ là Phạm Thị La, Tô Đăng Lý có vợ là Phạm Thị Mai, Phạm Văn Thu có vợ là Dương Thị Hạ. V còn khai tên một số người đứng ra bảo lãnh cho những người có tên trên nH tiền họ chồng theo là ông Dương Cao Toàn, bà Bùi Thị Hữu, bà Vũ Thị Tâm, bà Bùi Thị Duệ, bà Phạm Thị Hạnh, Nguyễn Thị Thủy, Lê Thị Hòa, Ngô Đăng Hoàn, Nguyễn Thị THnh, Vũ Thị Tuyền, Nguyễn Hoàng Lưu, Vũ Đình Huy, H Thị Liên.

Cơ quan điều tra xác minh những người V khai đã nH tiền họ chồng theo thì đều không có người cụ thể nào có tên tuổi như thông tin V đưa ra. Cơ quan điều tra xác minh ghi lời khai đối với những người theo V khai là bảo lãnh cho những người lĩnh họ từ năm 2015 đến năm 2016, kết quả: Ông Dương Cao Toàn đã chết từ 19/01/2010, bà Vũ Thị Tâm đã chết ngày 17/5/2017; các ông bà Bùi Thị Duệ, Phạm Thị Hạnh, Nguyễn Thị Thủy, Lê Thị Hòa, Ngô Đăng Hoàn, Nguyễn Thị THnh, Vũ Thị Tuyền, Nguyễn Hoàng Lưu, Vũ Đình Huy, H Thị Liên đều khai không bảo lãnh cho ai chơi họ hay lĩnh tiền họ của V.

Sau khi Cơ quan điều tra cho V đối chất với những người V khai là đã bảo lãnh, thì V khai nH: Do không quản lý được hết các bát họ và người chơi họ, một số người được bốc họ trước (nH tiền họ), sau đó không đóng họ tiếp nên V không có tiền thanh toán cho người lĩnh tiền họ sau của nhiều bát họ trong cùng một thời gian. Vì vậy, V nói dối và tự nghĩ ra tên người mua họ chồng theo khiến 10 bị hại tin là có người mua họ chồng theo thật mà đóng tiền cho V để V có tiền chi trả thanh toán cho người lĩnh họ tại các họ thường khác. V vẫn thực hiện việc trả lãi một số tháng để bị hại không phát hiện ra bị lừa và cũng là để kéo dài thời gian phải trả tiền cho người chơi họ thường.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2020/HSST ngày 20/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị V 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành

hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 31/5/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ chậm trả, quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/9/2020, 10 bị hại là các bà Đoàn Thị B, Chu Thị T, Bùi Thị TA, Vũ Thị D, Nguyễn Thị C, Ngô Thị H, Vũ Thị Ng, Nguyễn Thị TU, Ngô Thị N, Dương Thị Nh có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị V lên mức tù chung thân.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo lên mức án tù chung thân.

Bị cáo Phạm Thị V thừa nh toàn bộ Hnh vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã mô tả; xác định Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo với mức án 14 năm tù là phù hợp, đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả Hnh vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ kháng cáo của người bị hại, xác định: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; mức hình phạt 14 năm tù đối với bị cáo V là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có thêm tình tiết mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nh kháng cáo của người bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Phạm Thị Hoa bào chữa cho bị cáo Phạm Thị V: Đồng ý với quan điểm, lập luận của đại diện Viện kiểm sát. Ngoài ra, trong vụ án này đề nghị Hội đồng xét xử lưu ý xem xét để tuyên mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo với các lý do: hiện tại bị cáo tuổi đã cao, sức khỏe yếu; số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại được bị cáo sử dụng để trả cho những người chơi họ khác và việc bị cáo đã trả cho các bị hại số tiền 238.770.000 đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H Nội nêu quan điểm tranh tụng với Luật sư: Không đồng ý với quan điểm của Luật sư về việc đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, bởi lẽ khoản tiền 238.770.000 đồng mà bị cáo trả cho các bị hại không phải là khoản tiền bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử NH định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị hại trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai NH tội của bị cáo Phạm Thị V tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của người làm chứng, các kết quả xác minh, giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vì không quản lý được các bát họ và người chơi họ dẫn đến mắc nợ, Phạm Thị V đã có Hành vi, thủ đoạn gian dối làm cho nhiều người tin là có người mua họ chồng theo nên đã nộp tiền cho V. Cụ thể, bị cáo nói dối và tự nghĩ ra tên người mua họ chồng theo khiến các bị hại tin là có người mua họ chồng theo thật nên đóng tiền cho bị cáo, để bị cáo có tiền chi trả, thanh toán cho người lĩnh họ tại các họ thường khác. Bị cáo thực hiện việc trả lãi một số tháng để các bị hại không phát hiện ra bị lừa và nhằm kéo dài thời gian phải trả tiền cho người chơi họ thường. Tổng số tiền bị cáo V đã chiếm đoạt của 10 bị hại trong vụ án này là 2.998.533.000 đồng, bao gồm: 762.750.000 đồng của bà Đoàn Thị B, 746.020.000 đồng của bà Chu Thị T, 306.885.000 đồng của bà Bùi Thị TA, 127.500.000 đồng của bà Vũ Thị D, 129.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị C, 189.460.000 đồng của bà Ngô Thị H, 134.662.000 đồng của bà Vũ Thị Ng, 126.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị TU, 64.500.000 đồng của bà Ngô Thị N, 411.756.000 đồng của bà Dương Thị Nh. Bằng hình thức trả lãi theo tháng để tạo lòng tin cho các bị hại, V đã trả cho các bị hại được 238.770.000 đồng (gồm trả cho bà B 99.100.000 đồng, bà C 16.430.000 đồng, bà H 41.600.000 đồng, bà N 17.050.000 đồng, bà Nh 64.590.000 đồng), số tiền còn lại bị cáo chưa trả cho 10 bị hại là 2.759.763.000 đồng.

Với Hành vi nêu trên, các cơ quan tiến Hành tố tụng cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử Phạm Thị V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015), có mức hình phạt tù được quy định từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt của các bị hại đối với bị cáo, Hội đồng xét xử NH thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị V là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn thể hiện sự coi thường pháp luật, làm mất trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo NH thức rõ Hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng muốn có tiền để trả nợ, bị cáo đã nhiều lần thực hiện Hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, đây là tình

tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, đòi hỏi cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét, cân nhắc đến các yếu tố sau: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bản thân bị cáo có thành tích trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở TU 1 Biên giới phía Bắc được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công. Ngoài ra, bố đẻ bị cáo cũng là người có công trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước tặng Huân chương. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Với các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo Phạm Thị V mức hình phạt 14 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời đảm bảo tính răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và công tác phòng, chống tội phạm nói chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, không có thêm tình tiết mới. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của các bị hại đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Do hầu hết các bị hại kháng cáo đều là người cao tuổi, vì vậy được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại là các bà Đoàn Thị B, Chu Thị T, Bùi Thị TA, Vũ Thị D, Nguyễn Thị C, Ngô Thị H, Vũ Thị Ng, Nguyễn Thị TU, Ngô Thị N, Dương Thị Nh.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2020/HSST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị V như sau:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Phạm Thị V 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 31/5/2019.

2. Về án phí: Các bị hại kháng cáo được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Tuấn

Lê Thị Thúy Bình

Phùng Hải Hiệp

Nơi nH:

- VKSND cấp cao tại H Nội;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Bị hại (qua địa chỉ);
- Lưu: HSVA; VP; P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Hải Hiệp